

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN PHÙ CÁT**  
**TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 10/4/2023.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệp.*

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Đặng Hữu Lộc

2. Ông: Phan Thanh Long

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Trang là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Trường Viên – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023 - Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 504/2022/TLST-HNGĐ ngày 29/12/2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/3/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Kim B, sinh năm 1992 – Địa chỉ: Thôn Chánh Th, xã Cát Th, huyện Phù C, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tấn L, sinh năm 1992 – Địa chỉ: Thôn An Nh, xã Cát Kh, huyện Phù C, tỉnh Bình Định.

*(Nay chị B có mặt, anh L vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/7/2022, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay - Nguyên đơn chị Võ Thị Kim B trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị B và anh Nguyễn Tấn L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cát Th, huyện Phù C, tỉnh Bình Định ngày 26/03/2020 – Hôn nhân tự

nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân do chị và anh L bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Khi con được 10 tháng chị đã gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án, anh L đến Tòa hứa sẽ thay đổi quan điểm nên chị đã rút đơn khởi kiện, cố gắng hàn gắn vợ chồng, nhưng rồi anh L vẫn không thay đổi quan điểm, cách sống, vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống hôn nhân vẫn không hạnh phúc, chị và anh L đã sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

-Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung, con gái tên Nguyễn Ngọc Lộc T - sinh ngày: 11/04/2021, con hiện ở với mẹ. Vợ chồng ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cấp dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

-Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\*Tại bản tự khai ngày 23/8/2022 và ngày 29/12/2022 – Bị đơn anh Nguyễn Tấn L trình bày:*

-Về hôn nhân: Anh L và chị Võ Thị Kim B có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 26/03/2020. Vợ chồng cưới nhau được một thời gian chị B về nhà cha mẹ ruột ở Cát Th sinh sống, nhiều lần anh nói chị B về lại nhà chồng để vợ chồng chung sống nhưng chị B không chịu về mà làm đơn xin ly hôn anh. Anh bị tai nạn chấn thương sọ não, vợ không chăm lo chồng được ngày nào mà làm đơn xin ly hôn, nên anh đồng ý ly hôn.

-Về con chung: Anh và chị B có 01 con chung, con gái. Vợ chồng ly hôn, anh đồng ý để con cho vợ nuôi nhưng chị B yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng anh không đồng ý, vì anh bị tai nạn chấn thương sọ não nên không đủ khả năng chu cấp nuôi con.

- Tài sản chung giữa anh và chị B có được gồm 04 chỉ vàng gia đình anh đi cưới chị B cho anh và 1.5 chỉ vàng anh chị em phía anh cho trong ngày cưới 02 vợ chồng. Tổng vàng cưới vợ chồng được 5,5 chỉ. Anh yêu cầu Tòa giải quyết phân chia số vàng này cho anh và chị B.

*\*Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm:*

-Đơn khởi kiện của chị Võ Thị Kim B đề ngày 27/7/2022 xin ly hôn anh Nguyễn Tấn L; giấy chứng minh của chị Võ Thị Kim B (bản phô tô); sổ hộ khẩu của hộ bà Trần Thị T – Mẹ ruột anh L (bản phô tô), giấy khai sinh của cháu Nguyễn Ngọc Lộc T (bản phô tô); giấy chứng nhận kết hôn giữa chị Võ Thị Kim B – anh Nguyễn Tấn L (bản chính), bản khai của chị B, anh L và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

*\*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

-Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B, cho chị B được ly hôn anh L. Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cháu Nguyễn Ngọc Lộc T – sinh ngày 11/4/2021 cho mẹ là chị B được trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Buộc chị B phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Buộc anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX) nhận định:

[1]*Xét về mặt tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ kiện ly hôn giữa chị B – anh L, Tòa án tiến hành tổng đạt đầy đủ, hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa cho bị đơn anh L theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự, anh L chỉ đến Tòa án trình bày lời khai của mình tại bản tự khai, sau đó anh L không đến Tòa nữa, anh L không đến tham gia phiên họp và phiên hòa giải việc ly hôn giữa anh và chị B, không tham gia phiên tòa xét xử vụ kiện ly hôn giữa anh và chị B là vi phạm nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70; điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh L phải gánh chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung.

[2]*Xét nội dung vụ án:*

[a]*Xét yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh L, Hội đồng xét xử thấy rằng:* Giữa chị B và anh L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cát Th, huyện Phù C, tỉnh Bình Định ngày 26/3/2020 theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 20/2020 do Ủy ban nhân dân xã Cát Th cấp – Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đối chiếu theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân giữa chị B, anh L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận, bảo vệ. Tuy nhiên sau khi kết hôn chị B và anh L sống không có hạnh phúc, thường xảy ra bất đồng, mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa chị B, anh L bất đồng quan điểm nhiều vấn đề trong cuộc sống, vợ chồng sống thiếu sự thông cảm, chia sẻ, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không khắc phục được, dẫn đến sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay. Chị B gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L, anh L thông nhất ly hôn, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị B, anh L đã thực sự đến mức trầm trọng, không khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia

đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B, cho chị B được ly hôn anh L.

*[b] Về quan hệ con chung:* Chị B, anh L có 01 con chung, con gái tên Nguyễn Ngọc Lộc T – sinh ngày 11/4/2021.

Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con của B khi vợ chồng ly hôn, HĐXX thấy rằng lâu nay cháu T ở với mẹ đã ổn định, cháu T còn quá nhỏ, chưa đủ 36 tuổi, về nguyên tắc con dưới 36 tuổi phải giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Anh L thống nhất giao con cho vợ nuôi khi vợ chồng ly hôn nên HĐXX chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị B, giao cháu T cho chị B được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

-Xét mức cấp dưỡng nuôi con chị B yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Anh L không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì anh cho rằng anh bị chấn thương sọ não do tai nạn giao thông nên không đủ khả năng cấp dưỡng.

HĐXX thấy rằng mặc dù trước đây anh L có bị tai nạn giao thông, có tổn thương sức khỏe, nhưng hiện tại sức khỏe anh đã điều trị bình phục, anh cũng đã lao động được để nuôi sống bản thân nên anh phải có một phần trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, đó là nghĩa vụ của người làm cha. Xét điều kiện kinh tế của anh L, căn cứ quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, HĐXX quyết định buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu T mỗi tháng 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng), thời hạn cấp dưỡng từ khi bản án Hôn nhân sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T tròn 18 tuổi là phù hợp quy định pháp luật.

*[c] Về tài sản chung vợ chồng:* Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh L cho rằng tài sản chung giữa anh và chị B có 5,5 chỉ vàng cưới, anh yêu cầu Tòa giải quyết phân chia nhưng anh không làm đơn khởi kiện yêu cầu phản tố, không nộp tiền tạm ứng án phí khởi kiện phân chia tài sản nên HĐXX không xét yêu cầu phân chia tài sản anh L đưa ra.

*[d] Án phí dân sự sơ thẩm:*

+Án phí ly hôn: Buộc chị B phải nộp theo quy định pháp luật 300.000 đồng.

+Án phí cấp dưỡng nuôi: Buộc anh L phải nộp 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

-Xét đề nghị của Kiểm sát viên về hướng giải quyết nội dung vụ án phù hợp với hướng nhận định của HĐXX nên được HĐXX chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27*

*của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;*

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Kim B, cho chị Võ Thị Kim B được ly hôn anh Nguyễn Tấn L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Lộc T – sinh ngày 11/4/2021 cho mẹ là chị B được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*), thời hạn cấp dưỡng từ khi bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

*Người không trực tiếp nuôi con là anh L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.*

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Án phí ly hôn: Buộc chị B phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) sung ngân sách Nhà nước, chị B đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí khởi kiện tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0011784 ngày 29/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát nên được khấu trừ.

+ Án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) sung ngân sách Nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai, chị B có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Anh L vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày anh L nhận được bản án hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Cát Kh, huyện Phù C, tỉnh Bình Định nơi anh L cư trú.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phù Cát;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Chi cục T.H.A ds huyện Phù Cát;
- UBND xã Cát Th, huyện Phù Cát,

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*tỉnh Bình Định;*  
*-Lưu hồ sơ, lưu án văn.*

**Lê Thị Diệp**